

**CÔNG TY CỔ PHẦN HTINVEST**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019**

MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 29

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần HTInvest trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần HTInvest (viết tắt là “Công ty”) được đổi tên từ Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa Hòa Phát, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400459486 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ bảy (07) ngày 02/10/2018.

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN HTINVEST  
Tên giao dịch: HTINVEST JOINT STOCK COMPANY  
Tên viết tắt: HTINVEST., JSC

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 16, Tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Chi nhánh Công ty: Số 157 Tôn Đức Thắng, phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng

Vốn Điều lệ: 18.049.800.000 đồng (Mười tám tỷ, không trăm bốn mươi chín triệu, tám trăm nghìn đồng).

Công ty đang niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Mã cổ phiếu: HTP.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Các thành viên Hội đồng quản trị**

Bùi Xuân Hồi	: Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bầu ngày 26/04/2019
Phạm Quang Hòa	: Thành viên	Bầu ngày 26/04/2019
Nguyễn Thị Thanh Hà	: Thành viên	Bầu ngày 26/04/2019
Phạm Thị Thu Hương	: Thành viên	Bầu ngày 26/04/2019
Nguyễn Như Việt	: Thành viên	Bầu ngày 26/04/2019

**Các thành viên Ban Tổng Giám đốc**

Phạm Hải Đăng	: Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/06/2018
Nguyễn Như Việt	: Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04/03/2014

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty, cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty để Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ nêu trên.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



**Phạm Hải Đăng**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2019

Số: 591/2019/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần HTInvest

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần HTInvest, được lập ngày 15/07/2019, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/6/2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Văn phòng Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần HTInvest tại ngày 30/06/2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2018 được soát xét bởi Kiểm toán viên của Công ty kiểm toán khác. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ số 904/2018/BCSX-AAC phát hành ngày 14/08/2018, Kiểm toán viên có kết luận chấp nhận toàn phần.



**Phan Thanh Nam**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2019/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2019 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>17.751.922.176</b>	<b>15.994.389.644</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>1.510.919.105</b>	<b>1.508.468.618</b>
1. Tiền	111		610.919.105	108.468.618
2. Các khoản tương đương tiền	112		900.000.000	1.400.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.000.000.000	1.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>14.420.980.272</b>	<b>12.385.941.718</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	2.412.604.801	376.584.935
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	12.000.000.000	12.000.000.000
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	51.711.815	52.693.127
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(60.655.388)	(60.655.388)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		17.319.044	17.319.044
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.7</b>	<b>780.568.338</b>	<b>945.821.045</b>
1. Hàng tồn kho	141		780.568.338	945.821.045
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>39.454.461</b>	<b>154.158.263</b>
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	12.047.137
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	39.454.461	142.111.126
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>3.556.187.764</b>	<b>3.779.212.522</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.918.949.068</b>	<b>3.220.541.888</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	2.309.809.068	2.611.401.888
- Nguyên giá	222		25.174.128.653	25.174.128.653
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.864.319.585)	(22.562.726.765)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	609.140.000	609.140.000
- Nguyên giá	228		609.140.000	609.140.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.10</b>	<b>569.447.332</b>	<b>558.670.634</b>
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		590.671.007	590.671.007
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(21.223.675)	(32.000.373)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>67.791.364</b>	<b>-</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	67.791.364	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>21.308.109.940</b>	<b>19.773.602.166</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.588.472.373</b>	<b>482.477.367</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.588.472.373</b>	<b>482.477.367</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	821.184.023	301.226.582
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	196.110.734	6.974.411
3. Phải trả người lao động	314		300.177.118	-
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	271.000.498	174.276.374
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>19.719.637.567</b>	<b>19.291.124.799</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.15</b>	<b>19.719.637.567</b>	<b>19.291.124.799</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		18.049.800.000	18.049.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		18.049.800.000	18.049.800.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(60.093.500)	(60.093.500)
4. Cổ phiếu quỹ	415		(914.353.746)	(914.353.746)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.914.347.993	1,914,347,993
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		729.936.820	301.424.052
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		301.424.052	104.819.563
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		428.512.768	196.604.489
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>21.308.109.940</b>	<b>19.773.602.166</b>

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Mai Thị Thúy Kiều

Mai Văn Thanh



Phạm Hải Đăng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019



CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.16	6.017.510.830	6.647.498.592
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		6.017.510.830	6.647.498.592
4. Giá vốn hàng bán	11	5.17	5.157.554.344	5.165.706.810
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		859.956.486	1.481.791.782
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	479.183.988	482.292.575
7. Chi phí tài chính	22	5.19	(10.776.698)	17.220.617
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	5.20	14.535.108	12.180.826
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.20	971.633.568	918.523.247
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		363.748.496	1.016.159.667
11. Thu nhập khác	31	5.21	174.985.419	-
12. Chi phí khác	32	5.21	11.505.455	600.002
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.21	163.479.964	(600.002)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		527.228.460	1.015.559.665
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.22	98.715.692	196.098.333
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		428.512.768	819.461.332
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.23	260,4	498,0

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Mai Thị Thúy Kiều

Mai Văn Thanh

Phạm Hải Đăng



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

CHỈ TIÊU	MS	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018
		VND	VND
1	2	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	4.460.306.185	6.992.043.648
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(1.010.550.970)	(1.937.055.379)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.923.044.012)	(2.497.725.200)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	-	(41.425.605)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	500.000	44.399.659
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.074.193.181)	(761.442.222)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>453.018.022</b>	<b>1.798.794.901</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.100.000.000)	(12.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	600.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	49.432.465	329.275.348
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(450.567.535)</b>	<b>(11.670.724.652)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(986.151.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>(986.151.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>2.450.487</b>	<b>(10.858.080.751)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.508.468.618	13.152.281.962
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>1.510.919.105</b>	<b>2.294.201.211</b>

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Mai Thị Thúy Kiều

Mai Văn Thanh

Phạm Hải Đăng

# CÔNG TY CỔ PHẦN HTINVEST

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09a-DN

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần HTInvest (viết tắt là “Công ty”) được đổi tên từ Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa Hòa Phát, được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp In sách giáo khoa Hòa Phát thuộc Nhà xuất bản Giáo dục tại Quyết định số 7975/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN HTINVEST

Tên giao dịch: HTINVEST JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: HTINVEST., JSC

Trụ sở chính Công ty tại: Tầng 16 tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Chi nhánh Công ty: Số 157 Tôn Đức Thắng, phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Vốn Điều lệ: 18.049.800.000 đồng (Mười tám tỷ, không trăm bốn mươi chín triệu, tám trăm nghìn đồng).

#### 1.1 Ngành nghề kinh doanh

- In ấn: In sách giáo khoa, sách báo tạp chí, tập san, sản phẩm bao bì và các loại giấy tờ quản lý kinh tế xã hội;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu: Giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm;
- Bán buôn kinh doanh khác chưa được phân vào đâu: Giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm; Bán buôn vật tư thiết bị ngành in; bán buôn thiết bị, dụng cụ giáo dục; Nhập khẩu vật tư, thiết bị kỹ thuật phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Hoạt động xuất bản khác: Tổ chức liên kết xuất bản, in và phát hành lịch, sách, báo, tạp chí và các ấn phẩm khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn sách;
- ...

### 2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019.

#### Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2019.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có

Các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ tài chính.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 quy định về quản lý tài sản cố định.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	06 - 25
Phương tiện vận tải truyền dẫn	10
Máy móc thiết bị	06 - 15
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất tại số 157 Tôn Đức Thắng, phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng và không thực hiện trích khấu hao.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 02 - 03 năm;
- Chi phí trả trước khác, căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian dự kiến thu được lợi ích kinh tế.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay phải trả.
- Chi phí trích trước các hợp đồng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ: Là khoản Công ty chi thanh toán để mua lại cổ phiếu của chính Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội cổ đông thường niên của Công ty.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác**

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định trong đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế. Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh thương mại, kinh doanh bất động sản, hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh. Chi phí quản lý doanh nghiệp, được phân bổ theo tỷ lệ doanh thu cho bộ phận đó. Công ty hoạt động in ấn và kinh doanh sách giáo khoa nên không lập báo cáo bộ phận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HTINVEST**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền mặt	143.246.407	3.370.986
Tiền gửi ngân hàng	467.672.698	105.097.632
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền (*)	900.000.000	1.400.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	900.000.000	1.400.000.000
<b>Tổng</b>	<b>1.510.919.105</b>	<b>1.508.468.618</b>

**5.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	30.06.2019 (VND)		01.01.2019 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị thu hồi	Giá gốc	Giá trị thu hồi
Tiền gửi kỳ hạn 06-12 tháng (*)	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>Cộng:</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>

(\*): Là khoản tiền gửi theo các hợp đồng có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng.

**5.3 PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>2.412.604.801</b>	<b>376.584.935</b>
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD Đà	120.248.786	45.237.665
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Đà Nẵng	1.258.788.237	-
Trung tâm phát hành sách và thiết bị giáo dục	115.535.108	123.538.402
Đối tượng khác	918.032.670	207.808.868
<b>Tổng</b>	<b>2.412.604.801</b>	<b>376.584.935</b>

**5.4 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	30.06.2019 (VND)		01.01.2019 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị thu hồi	Giá gốc	Giá trị thu hồi
Bên liên quan:				
Công ty CP Quan hệ Quốc tế - Đầu tư sản xuất (**)	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
<b>Cộng:</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>12.000.000.000</b>

(\*\*): Khoản vay vốn theo Hợp đồng số 18/2018/HĐTĐ ngày 2/4/2018 giữa Công ty CP In sách Giáo khoa Hòa Phát - Bên cho vay (nay là Công ty CP HTInvest) và Công ty CP Quan hệ Quốc tế - Đầu tư sản xuất - Bên đi vay.

Thời hạn vay: Không xác định kỳ hạn. Bên cho vay báo trước 15 ngày cho Bên đi vay khi muốn thu hồi vốn.

Lãi suất: 8%/năm và không có Tài sản đảm bảo. Khoản vay được Đại hội cổ đông thường niên 2019 phê duyệt.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HTINVEST**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN

**5.5 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	51.711.815	-	52.693.127	-
Phải thu về cổ phần hóa	1.000.000	-	1.000.000	-
Lãi dự thu	-	-	25.842.192	-
Tạm ứng	34.862.944	-	13.717.500	-
Phải thu khác	15.848.871	-	12.133.435	-
<b>Tổng</b>	<b>51.711.815</b>	<b>-</b>	<b>52.693.127</b>	<b>-</b>

**5.6 DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU**

Đối tượng	Quá hạn trên 6	Quá hạn từ 1	Quá hạn từ 2	Quá hạn 3 năm
	tháng dưới 1	năm đến dưới 2	năm đến dưới 3	
	năm (VND)	năm (VND)	năm (VND)	(VND)
Công ty in Mỹ thuật Đà Nẵng				5.780.000
Công ty TNHH Hải Tuấn				9.000.000
Công ty in Mỹ thuật Quảng Nam				4.827.500
Công ty TNHH Dịch vụ Duy Minh				3.550.000
Cơ sở dịch vụ in ấn Nam Dũng				2.475.000
Công ty CP thông tin kinh tế - văn hóa Á Việt				13.500.000
Công ty TNHH Bao bì Thiện Toàn				4.947.164
Công ty TNHH MTV VT-GN-PP ô tô Chu Lai				3.250.000
Nhà sách Bảo Ngọc		13.325.724		-
<b>Cộng:</b>		<b>13.325.724</b>		<b>47.329.664</b>



5.7 HÀNG TỒN KHO

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	479.591.189	-	562.612.699	-
Chi phí SXKD dở dang	-	-	321.311.081	-
Hàng hóa	300.977.149	-	61.897.265	-
<b>Tổng</b>	<b>780.568.338</b>	<b>-</b>	<b>945.821.045</b>	<b>-</b>

5.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư tại 01/01/2019	5.704.591.937	18.709.830.222	759.706.494	25.174.128.653
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số dư tại 30/06/2019</b>	<b>5.704.591.937</b>	<b>18.709.830.222</b>	<b>759.706.494</b>	<b>25.174.128.653</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư tại 01/01/2019	4.988.985.575	17.184.572.877	389.168.313	22.562.726.765
Tăng trong kỳ	156.536.226	114.178.410	30.878.184	301.592.820
Khấu hao trong kỳ	156.536.226	114.178.410	30.878.184	301.592.820
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số dư tại 30/06/2019</b>	<b>5.145.521.801</b>	<b>17.298.751.287</b>	<b>420.046.497</b>	<b>22.864.319.585</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại 01/01/2019	715.606.362	1.525.257.345	370.538.181	2.611.401.888
Tại 30/06/2019	559.070.136	1.411.078.935	339.659.997	2.309.809.068



5.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại 01/01/2019	609.140.000	609.140.000
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/06/2019	<u>609.140.000</u>	<u>609.140.000</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại 01/01/2019	-	-
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/06/2019	<u>-</u>	<u>-</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/01/2019	<u>609.140.000</u>	<u>609.140.000</u>
Tại 30/06/2019	<u>609.140.000</u>	<u>609.140.000</u>

Quyền sử dụng đất: Là thửa đất 157 Tôn Đức Thắng, phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, diện tích 3.242,5 m<sup>2</sup>, có nguồn gốc trước đây là của Trường PTCS Hòa Phát II. Năm 1995, Trường PTCS Hòa Phát II chuyển nhượng lại cho Chi nhánh Nhà xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng (tiền thân của Công ty CP In sách Giáo khoa Hòa Phát và hiện nay là Công ty CP HTInvest) và được UBND huyện Hòa Vang, Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở cho Chi nhánh Nhà XBGD tại Đà Nẵng.

Hiện tại thửa đất tại 157 Tôn Đức Thắng đang được sử dụng làm Chi nhánh Công ty Cổ phần HTInvest tại Đà Nẵng. Công ty đang đề nghị UBND thành phố Đà Nẵng, Sở Tài nguyên và Môi trường Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo tên gọi hiện nay.

5.10 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Thông tin các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vốn vào đơn vị khác	Số lượng CP năm giữ	CP theo Vốn ĐL	% Sở hữu	% Quyền biểu quyết	Ngành nghề kinh doanh
Công ty CP Sách & TB trường học Thành phố HCM	13.300	5.665.530	0,23%	0,23%	Mua bán SGK, sản xuất thiết bị trường học
Công ty CP Sách giáo dục tại Hà Nội	308	10.219.484	0,00%	0,00%	In và phát hành sách
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	5.700	5.000.000	0,11%	0,11%	Sách và thiết bị giáo dục
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	3.700	15.000.000	0,02%	0,02%	Phát hành xuất bản, In, KD thiết bị giáo dục
Công ty CP Sách giáo dục tại Đà Nẵng	8.000	1.498.680	0,53%	0,53%	Kinh doanh văn phòng phẩm, thiết bị giáo dục

**CÔNG TY CỔ PHẦN HTINVEST**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN

**5.10 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)**

Đối tượng đầu tư	30/6/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác	590.671.007	21.223.675	590.671.007	32.000.373
Công ty CP Sách & TB trường học Thành phố HCM - STC (i)	207.896.764	-	207.896.764	-
Công ty CP Sách giáo dục tại Hà Nội - EBS (i)	7.414.800	-	7.414.800	4.242.400
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng - DAD (i)	117.553.675	21.223.675	117.553.675	17.803.675
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội - EID (i)	45.986.888	-	45.986.888	-
Công ty CP Sách giáo dục tại Đà Nẵng - DAE (i)	121.818.880	-	121.818.880	9.954.298
Công ty CP Sách & TB trường học Quảng Ngãi (ii)	60.000.000	-	60.000.000	-
Công ty CP Sách & TB Giáo dục Miền Trung (ii)	30.000.000	-	30.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>590.671.007</b>	<b>21.223.675</b>	<b>590.671.007</b>	<b>32.000.373</b>

(i): Các cổ phiếu đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).

(ii): Các cổ phiếu chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch chứng khoán nên không có thị giá để tham chiếu. Công ty không có đủ cơ sở tin cậy để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

**5.11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công cụ dụng cụ	67.791.364	-
Chi phí sửa chữa TSCĐ	20.191.364	-
	47.600.000	-
<b>Tổng</b>	<b>67.791.364</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HTINVEST**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN

**5.12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ (VND)	Số có khả năng trả nợ (VND)	Giá trị ghi sổ (VND)	Số có khả năng trả nợ (VND)
<b>Ngắn hạn</b>	<b>821.184.023</b>	<b>821.184.023</b>	<b>301.226.582</b>	<b>301.226.582</b>
Công ty CP in và vật tư Sài gòn	142.676.780	142.676.780	31.887.898	31.887.898
Công ty TNHH TMDV Kỹ thuật Thành Thái	196.100.000	196.100.000	122.100.000	122.100.000
Công ty CP xuất nhập khẩu ngành in SIC	21.450.000	21.450.000	32.780.000	32.780.000
Công ty TNHH Cơ khí Hoàng Hà	86.074.924	86.074.924	86.074.924	86.074.924
Công ty CP Sách và thiết bị giáo dục Miền Trung	275.113.664	275.113.664	-	-
Đối tượng khác	99.768.655	99.768.655	28.383.760	28.383.760
<b>Tổng</b>	<b>821.184.023</b>	<b>821.184.023</b>	<b>301.226.582</b>	<b>301.226.582</b>

**5.13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2019	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2019
	<b>Phải nộp</b>	<b>6.974.411</b>	<b>495.846.230</b>	<b>306.709.907</b>
Thuế giá trị gia tăng	-	498.156.453	305.719.956	192.436.497
Thuế thu nhập cá nhân	6.974.411	(2.310.223)	989.951	3.674.237
<b>Phải thu</b>	<b>142.111.126</b>	<b>102.656.665</b>	<b>-</b>	<b>39.454.461</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	142.111.126	102.656.665	-	39.454.461

**5.14 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	271.000.498	174.276.374
Kinh phí công đoàn	3.138.902	-
Bảo hiểm xã hội	71.106.869	44.428.609
Phải trả về cổ phần hóa	-	74.105.600
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	-	14.545.750
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	196.754.727	41.196.415
<i>Tạm nhập vật tư in</i>	<i>62.735.854</i>	-
<i>Cổ tức phải trả - Trần Thị Hà</i>	<i>14.545.750</i>	<i>14.545.750</i>
<i>Phải trả phải nộp ngắn hạn khác</i>	<i>119.473.123</i>	<i>26.650.665</i>
<b>Tổng</b>	<b>271.000.498</b>	<b>174.276.374</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HTINVEST**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN

**5.15 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>thuế chưa phân phối</b>	<b>Tổng</b>
<b>Số dư tại 01/01/2018</b>	18.049.800.000	(60.093.500)	(914.353.746)	1.914.347.993	1.092.167.563	20.081.868.310
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	196.604.489	196.604.489
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(987.348.000)	(987.348.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	<b>18.049.800.000</b>	<b>(60.093.500)</b>	<b>(914.353.746)</b>	<b>1.914.347.993</b>	<b>301.424.052</b>	<b>19.291.124.799</b>
<b>Số dư tại 01/01/2019</b>	18.049.800.000	(60.093.500)	(914.353.746)	1.914.347.993	301.424.052	19.291.124.799
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	428.512.768	428.512.768
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 30/06/2019</b>	<b>18.049.800.000</b>	<b>(60.093.500)</b>	<b>(914.353.746)</b>	<b>1.914.347.993</b>	<b>729.936.820</b>	<b>19.719.637.567</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN HTINVEST**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN

**5.15 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	3.816.000.000	3.816.000.000
Cổ đông khác	12.639.800.000	12.639.800.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	1.594.000.000	1.594.000.000
<b>Tổng</b>	<b>18.049.800.000</b>	<b>18.049.800.000</b>

**Cổ phiếu**

	30/06/2019	01/01/2019
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.804.980	1.804.980
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.804.980	1.804.980
Cổ phiếu phổ thông	1.804.980	1.804.980
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.804.980	1.804.980
Cổ phiếu phổ thông	1.804.980	1.804.980
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**5.16 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Doanh thu in ấn, cắt rọc	4.745.716.129	4.951.156.217
Doanh thu khác	1.271.794.701	1.696.342.375
<b>Tổng</b>	<b>6.017.510.830</b>	<b>6.647.498.592</b>

**5.17 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Giá vốn in ấn, cắt rọc	4.901.327.949	3.713.294.026
Giá vốn hoạt động khác	256.226.395	1.452.412.784
<b>Tổng</b>	<b>5.157.554.344</b>	<b>5.165.706.810</b>

**5.18 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	445.533.988	435.292.474
Cổ tức, lợi nhuận được chia	33.650.000	35.668.000
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	11.332.101
<b>Tổng</b>	<b>479.183.988</b>	<b>482.292.575</b>

**5.19 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(10.776.698)	17.220.617
<b>Tổng</b>	<b>(10.776.698)</b>	<b>17.220.617</b>

**5.20 CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>14.535.108</b>	<b>12.180.826</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.448.290	11.731.735
Chi phí bằng tiền khác	2.086.818	449.091
<b>Chi phí quản lý</b>	<b>971.633.568</b>	<b>918.523.247</b>
Chi phí nhân viên quản lý	600.888.146	618.686.100
Chi trợ cấp thôi việc	54.791.500	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	16.487.410	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	33.967.569	-
Thuế phí và lệ phí	4.011.000	-
Chi phí tiếp khách	48.449.055	51.838.866
Chi phí bằng tiền khác	213.038.888	247.998.281
<b>Tổng</b>	<b>986.168.676</b>	<b>930.704.073</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

## 5.21 LỢI NHUẬN KHÁC

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Bán giấy phế liệu	111.248.654	-
Thu nhập khác	63.736.765	-
<b>Tổng</b>	<b>174.985.419</b>	<b>-</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí khác	11.505.455	600.002
<b>Tổng</b>	<b>11.505.455</b>	<b>600.002</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>163.479.964</b>	<b>(600.002)</b>

## 5.22 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	98.715.692	196.098.333
<b>Tổng</b>	<b>98.715.692</b>	<b>196.098.333</b>

## 5.23 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	428.512.768	819.461.332
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	428.512.768	819.461.332
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	1.645.580	1.645.580
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	260,4	498,0

## 5.24 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

## Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

5.24 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 5.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.510.919.105	1.508.468.618
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.403.661.228	368.622.674
Đầu tư ngắn hạn	1.000.000.000	1.000.000.000
Đầu tư dài hạn	569.447.332	558.670.634
<b>Tổng</b>	<b>5.484.027.665</b>	<b>3.435.761.926</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	1.092.184.521	475.502.956
Chi phí phải trả	-	-
<b>Tổng</b>	<b>1.092.184.521</b>	<b>475.502.956</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn trong đó cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty không phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ, do đó, Công ty không có rủi ro về tỷ giá.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

**Rủi ro về giá**

*Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Công ty không phát sinh các khoản đầu tư vào công cụ vốn do vậy không chịu rủi ro về giá cổ phiếu.

5.24 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

**Rủi ro về giá (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua hàng hóa chủ yếu từ một số nhà cung cấp để phục cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán từ nhà cung cấp. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng lâu năm, luân chuyển liên tục và thường xuyên đối chiếu công nợ.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
<b>30/06/2019</b>			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	1.092.184.521	-	1.092.184.521
Chi phí phải trả	-	-	-
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
<b>01/01/2019</b>			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	475.502.956	-	475.502.956
Chi phí phải trả	-	-	-

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



5.24 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

30/06/2019	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.510.919.105	-	1.510.919.105
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.403.661.228	-	2.403.661.228
Đầu tư ngắn hạn	1.000.000.000	-	1.000.000.000
01/01/2019	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.508.468.618	-	1.508.468.618
Phải thu khách hàng và phải thu khác	368.622.674	-	368.622.674
Đầu tư ngắn hạn	1.000.000.000	-	1.000.000.000

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty HTInvest	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cổ đông nắm giữ 21,05% vốn điều lệ HTInvest
Công ty CP Quan hệ Quốc tế - Đầu tư sản xuất (CIRI)	Ông Phạm Hải Đăng - Tổng Giám đốc HTInvest là thành viên HĐQT và Phó Tổng Giám đốc của CIRI

Giao dịch nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Giao dịch	06 tháng năm 2019 (VND)	06 tháng năm 2018 (VND)
Hội đồng quản trị Ban Tổng Giám đốc	Thù lao Lương, thưởng	18.590.000 -	184.574.800

Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 chưa chi trả lương cho Ban Tổng Giám đốc.

Giao dịch với các Bên liên quan	Giao dịch	06 tháng năm 2019 (VND)	06 tháng năm 2018 (VND)
Công ty CP Quan hệ Quốc tế - Đầu tư sản xuất (CIRI)	Cho vay	-	12.000.000.000
Công ty CP Quan hệ Quốc tế - Đầu tư sản xuất (CIRI)	Lãi vay	397.150.687	186.666.667

Số dư với bên liên quan	Nội dung	30.06.2019 (VND)	01.01.2019 (VND)
Công ty CP Quan hệ Quốc tế - Đầu tư sản xuất (CIRI)	Phải thu nợ gốc vay	12.000.000.000	12.000.000.000
Công ty CP Quan hệ Quốc tế - Đầu tư sản xuất (CIRI)	Phải thu lãi vay	560.219.346	163.068.659

**6.2 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kế toán Kiểm toán AAC với ý kiến chấp nhận toàn phần và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kế toán Kiểm toán AAC với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2019

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**



**Mai Thị Thúy Kiều**

**Mai Văn Thanh**

**Phạm Hải Đăng**

